

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 634/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/6/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Huê

2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1002/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1970

Địa chỉ: 1619/21 PTH, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1978

Địa chỉ: 1619/21 PTH, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – ông Huỳnh Văn L trình bày: ông và bà Huỳnh Thị Ph chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/5/2001. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã do bất đồng quan điểm, tính tình; mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng ảnh hưởng đến tình trạng hôn nhân. Hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng

không thể kéo dài cuộc sống chung. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên ông L đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Ph.

Về con chung: Ông và bà Ph có 01 con chung tên Huỳnh Thị Cẩm L1 sinh ngày 31/01/2002, đã thành niên.

Về tài sản chung: Ông L xác định ông và bà Ph tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông L xác định ông và bà Ph không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Ph đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà Ph không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi yêu cầu khởi kiện của ông L nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của bà Ph.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn - ông Huỳnh Văn L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn – bà Huỳnh Thị Ph vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị Ph có đăng ký kết hôn, ông L yêu cầu ly hôn với bà Ph, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về “tranh chấp ly hôn”.

Hiện nay, bị đơn là bà Huỳnh Thị Ph đang cư trú tại Quận 8 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông L.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Ph, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bà Ph vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Ph.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyển số 01/2001 ngày 11/5/2001 của Ủy ban nhân dân Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, cùng lời khai của ông L về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông L và bà Ph là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông L: Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã do bất đồng quan điểm, tính tình; mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng ảnh hưởng đến tình trạng hôn nhân. Hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không thể kéo dài cuộc sống chung, đã sống ly thân. Ông L xác định vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với bà Ph.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đồng thời vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà Ph đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy tình cảnh vợ chồng không còn nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Ông L và bà Ph có 01 con chung tên Huỳnh Thị Cẩm L1 sinh ngày 31/01/2002, đã thành niên.

Do con chung đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Ông L xác định các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Ông L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông L phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn L về việc xin ly hôn với bà Huỳnh Thị Ph.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn L được ly hôn với bà Huỳnh Thị Ph (Giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2001).

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Thị Cẩm L1 sinh ngày 31/01/2002, đã thành niên.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Huỳnh Văn L phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0044575 ngày 19/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường E, Quận H;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Nga